

Bản án số: 469/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 12 - 2025
V/v ly hôn và nuôi con

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệp
Bà Trần Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An G tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Nhều – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 1, xa TP, huyện CK, tỉnh TV.

- Bị đơn: A Khuru Quang G, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp RC, xã BT, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Cẩm Nh nguyên đơn trình bày: Chị Nh và A Khuru Quang G tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân không có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G. Sau khi kết hôn chị và A G không được hạnh phúc thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân do vợ chồng chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống có Nhều bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuyên cự cãi dẫn đến sống ly thân. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với A G, nên chị yêu cầu được ly hôn với A Khuru Quang G.

Về con chung: Chị Nh và A G có với nhau ba người con chung gồm: Khuru Thị Mỹ L, sinh ngày 20/9/2015; Khuru Thị Mỹ A sinh ngày 28/01/2018; Khuru Thị Mỹ V, sinh ngày 26/11/2020. Sau khi vợ chồng sống ly thân các con sống cùng với chị được thời gian thì về sống cùng với A G. Hiện tại các con đều có nguyện vọng được ở với cha nên chị giao con chung cho A G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn A Khuru Quang G đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã triệu tập A G đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng A G vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hôn nhân: Chị Nh, A Khuru Quang G có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân nên xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm Nh với A Khuru Quang G.

Về con chung: Chị Nh xác định chị và A G có với nhau ba người con chung gồm: Khuru Thị Mỹ L, sinh ngày 20/9/2015; Khuru Thị Mỹ A sinh ngày 28/01/2018; Khuru Thị Mỹ V, sinh ngày 26/11/2020. A G vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng, chị Nh có ý kiến con đang sống cùng với A G và có nguyện vọng được ở với cha sau khi cha mẹ ly hôn nên chị giao các con chung cho A G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho A G trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do A G vắng mặt không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, A G với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Rạch Củ, xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G (nay ấp Rạch Củ, xã Giồng Riềng, tỉnh An G) nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An G. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm Nh và A Khuru Quang G là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G đúng thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị Nh cho rằng giữa chị A G thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và A G đã ly thân. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị Nh không còn tình cảm vợ chồng với A G và cả hai đã sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nh A G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất

chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với A G.

[2.2] Về con chung: Chị Nh và A G có với nhau ba người con chung gồm: Khuru Thị Mỹ L, sinh ngày 20/9/2015; Khuru Thị Mỹ A sinh ngày 28/01/2018; Khuru Thị Mỹ V, sinh ngày 26/11/2020. Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là nếu sau khi ly hôn vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con thì do Tòa án quyết định, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng A G vắng mặt không đưa ra ý kiến hay yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Chị Nh cho rằng vào thời điểm A chị ly thân các con sống cùng với chị được thời gian thì các con có nguyện vọng được sống cùng với cha và cả ba người con đều theo A G đi Bình Dương sinh sống nên chị Nh giao con cho A G nuôi dưỡng. Nhằm đảm bảo sự ổn định và điều kiện phát triển của con, theo ý kiến của chị Nh, Hội đồng xét xử thống nhất giao các con cho A G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con cũng như quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do A G vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng, không đưa ra ý kiến hay yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nh có quyền nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị Cẩm Nh phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị Nh đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227 Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm Nh được ly hôn với A Khuru Quang G.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung gồm: Khuru Thị Mỹ L, sinh ngày 20/9/2015; Khuru Thị Mỹ A sinh ngày 28/01/2018; Khuru Thị Mỹ V, sinh ngày 26/11/2020, cho A Khuru Quang G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con do A G vắng mặt không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0013052 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – An G).

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh A Khuru Quang G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên G;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhân